

BÁO CÁO

Tình hình tổ chức và kết quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026

(Thời gian báo cáo từ đầu nhiệm kỳ 2021 - 2026 đến ngày 30/11/2025)

Thực hiện Công văn số 1449/UBTVQH15-CTĐB ngày 24/10/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tổng kết công tác HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, Thường trực HĐND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình tổ chức và kết quả hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021 - 2026 như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh Quảng Ngãi 05 năm 2021 - 2025 tiếp tục duy trì ổn định, một số lĩnh vực có bước phát triển tích cực; an sinh xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2025 ước đạt 92.348 tỷ đồng, tăng trưởng 10,02%; bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 7,2%/năm. Quy mô nền kinh tế cũng có sự tăng trưởng qua từng năm, năm 2025 đạt 188.701 tỷ đồng, tăng 72,2% so với năm 2020, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 11,5%/năm. Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 đạt 52,5 triệu đồng/người/năm, tăng 50,1% so với năm 2020, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 8,5%/năm. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025 ước đạt 35.236 tỷ đồng và cả giai đoạn 2021 - 2025 đạt 168.696 tỷ đồng, vượt 31% so với kế hoạch, trong đó: thu nội địa chiếm 66,8%.

Kinh tế duy trì tăng trưởng, cơ cấu chuyển dịch đúng hướng. Công nghiệp giữ vai trò động lực, tăng trưởng khá. Nông nghiệp phát triển tương đối hiệu quả; sản lượng lâm nghiệp và thủy sản tăng; tỷ lệ che phủ rừng đạt gần 60%. Chương trình OCOP đạt 642 sản phẩm 3 - 5 sao; nhiều điểm giới thiệu sản phẩm được hình thành. Nhiều công trình hạ tầng quan trọng được đầu tư, góp phần tăng cường kết nối vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác thu hút đầu tư, xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh; các hoạt động quảng bá tiềm năng, thế mạnh và môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh được tăng cường, đồng thời chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình triển khai dự án trên địa bàn tỉnh. Công tác y tế, giảm nghèo và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm; chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả rõ nét. Chất lượng giáo dục được duy trì; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục tăng. Chính sách an sinh xã hội được triển khai tốt; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên. Công tác sắp xếp đơn vị hành chính, thực

hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp thực hiện khẩn trương, hoàn thành đúng tiến độ, không bỏ trống nhiệm vụ trong giai đoạn chuyển tiếp. Chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được cải thiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo, sản phẩm công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ cao chưa nhiều. Tiến độ thực hiện đầu tư hạ tầng Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp còn chậm. Nông nghiệp phát triển thiếu bền vững, còn manh mún, nhỏ lẻ, giá trị gia tăng thấp; liên kết theo chuỗi giá trị gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ còn ít. Thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Hạ tầng giao thông, đô thị, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp thiếu đồng bộ; hạ tầng chuyển đổi số chưa được đầu tư đúng mức. Chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư phát triển nhà ở xã hội. Công tác giải phóng mặt bằng chậm, thiếu đồng bộ, làm kéo dài thời gian đầu tư, ảnh hưởng hiệu quả sử dụng vốn. Nhiều thiết chế văn hóa xuống cấp chậm được sửa chữa. Chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có mặt còn hạn chế, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao. Chất lượng khám, chữa bệnh có mặt chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Thu nhập và đời sống dân cư nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi còn thấp. Công tác giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa thật sự bền vững; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao so với tỷ lệ hộ đa chiều chung của cả nước.

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

1. Tình hình tổ chức của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh

1.1. Tình hình tổ chức của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh trước khi sắp xếp đơn vị hành chính

- Đầu nhiệm kỳ, HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) có 53 đại biểu. Trong nhiệm kỳ (tính đến ngày 30/6/2025), HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh đã cho thôi làm nhiệm vụ đối với 07 đại biểu, bãi nhiệm 01 đại biểu¹ và 01 đại biểu từ trần.

Do đó, tổng số đại biểu HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) tính đến ngày 30/6/2025 là 44 đại biểu sinh hoạt tại 13 Tổ đại biểu HĐND tỉnh. Cơ cấu Thường trực HĐND tỉnh gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và 04 ủy viên là Trưởng các Ban của HĐND tỉnh². HĐND tỉnh thành lập 04 Ban³, các Ban đều có Trưởng ban, 01 Phó trưởng Ban và từ 04 - 05 ủy viên⁴.

¹ Có 02 đại biểu HĐND tỉnh bị xử lý kỷ luật, trong đó: có 01 trường hợp HĐND tỉnh đã xem xét, bãi nhiệm đại biểu HĐND tỉnh theo quy định.

² Trong đó: Chủ tịch HĐND tỉnh là đại biểu HĐND tỉnh hoạt động kiêm nhiệm; 01 Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và 04 ủy viên là đại biểu HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách.

³ Gồm: Kinh tế - Ngân sách, Pháp chế, Văn hóa - Xã hội và Dân tộc.

⁴ Trong đó: Trưởng ban, Phó trưởng Ban là đại biểu HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách, ủy viên Ban là đại biểu HĐND tỉnh hoạt động kiêm nhiệm.

- Đầu nhiệm kỳ, HĐND tỉnh Kon Tum có 51 đại biểu. Trong nhiệm kỳ (tính đến ngày 30/6/2025), HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh đã cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu đối với 04 đại biểu.

Do đó, tổng số đại biểu HĐND tỉnh Kon Tum tính đến ngày 30/6/2025 có 47 đại biểu sinh hoạt tại 10 Tổ đại biểu HĐND tỉnh. Cơ cấu Thường trực HĐND tỉnh gồm Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và 04 ủy viên là Trưởng các Ban của HĐND tỉnh⁵. HĐND tỉnh thành lập 04 Ban⁶, các Ban đều có Trưởng ban, 01 Phó trưởng Ban và từ 04 - 05 ủy viên⁷.

1.2. Tình hình tổ chức của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh sau khi sắp xếp đơn vị hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, HĐND tỉnh Quảng Ngãi (mới) có 91 đại biểu sinh hoạt tại 22 Tổ đại biểu HĐND tỉnh⁸. Cơ cấu Thường trực HĐND tỉnh gồm Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và 04 ủy viên là Trưởng các Ban của HĐND tỉnh⁹. HĐND tỉnh thành lập 04 Ban¹⁰, các Ban đều có Trưởng ban, từ 02 - 03 Phó trưởng Ban và từ 07 - 10 ủy viên¹¹.

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét, chấp thuận, báo cáo HĐND tỉnh về việc cho thôi làm nhiệm vụ đối với 03 đại biểu¹² và Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định bổ sung Trưởng Ban Dân tộc của HĐND tỉnh¹³. Như vậy, HĐND tỉnh có 89 đại biểu; cơ cấu tổ chức của Thường trực, các Ban và Tổ đại biểu HĐND tỉnh được kiện toàn, bảo đảm theo quy định.

2. Đánh giá tình hình tổ chức của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh sau sắp xếp theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tổ chức bộ máy của HĐND, Thường trực

⁵ Trong đó: Chủ tịch HĐND tỉnh là đại biểu HĐND tỉnh hoạt động kiêm nhiệm; 01 Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và 04 ủy viên là đại biểu HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách.

⁶ Gồm: Kinh tế - Ngân sách, Pháp chế, Văn hóa - Xã hội và Dân tộc.

⁷ Trong đó: Trưởng ban, Phó trưởng Ban là đại biểu HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách, ủy viên Ban là đại biểu HĐND tỉnh hoạt động kiêm nhiệm.

⁸ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Thường trực HĐND tỉnh về thành lập các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và phân công Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

⁹ Nghị quyết số 1725/NQ-UBTVQH15 ngày 24/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng các Ban của HĐND tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021 - 2026; Nghị quyết số 1794/NQ-UBTVQH ngày 21/8/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định Trưởng Ban Dân tộc HĐND tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021 - 2026. Theo đó, Chủ tịch HĐND tỉnh là đại biểu HĐND tỉnh hoạt động kiêm nhiệm; 03 Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và 04 ủy viên là đại biểu HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách.

¹⁰ Gồm: Kinh tế - Ngân sách, Pháp chế, Văn hóa - Xã hội và Dân tộc.

¹¹ Trong đó: Trưởng ban, Phó trưởng Ban là đại biểu HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách, ủy viên Ban là đại biểu HĐND tỉnh hoạt động kiêm nhiệm.

¹² Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09/7/2025 của Thường trực HĐND tỉnh về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Báo cáo số 06/BC-HĐND ngày 10/7/2025 của Thường trực HĐND tỉnh ngày 10/7/2025 của Thường trực HĐND tỉnh cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

¹³ Ông A Vượng - Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban Dân tộc của HĐND tỉnh.

HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh tiếp tục được kiện toàn, hoạt động ổn định, bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

HĐND tỉnh được củng cố kịp thời sau sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm số lượng đại biểu HĐND tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Các chức danh lãnh đạo HĐND tỉnh được kiện toàn, phân công rõ trách nhiệm, bảo đảm thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh được rà soát, cập nhật, bổ sung phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo theo quy định.

Thường trực HĐND tỉnh phát huy tốt vai trò điều hòa, phối hợp và tổ chức các hoạt động giữa hai kỳ họp của HĐND tỉnh; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, khối lượng công việc tăng, địa bàn rộng, nhưng Thường trực HĐND tỉnh đã kịp thời đổi mới phương pháp làm việc, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm giải quyết công việc kịp thời, đạt chất lượng.

Các Ban của HĐND tỉnh được kiện toàn nhân sự bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả và đúng quy định. Các Ban đã chủ động xây dựng chương trình giám sát, thẩm tra phù hợp với tình hình mới sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh được sắp xếp lại theo đơn vị hành chính cấp xã (mới). Nhìn chung, các Tổ đã bám sát địa bàn, thực hiện tiếp xúc cử tri, nắm bắt thông tin, phản ánh kịp thời các kiến nghị của cử tri. Đại biểu HĐND tỉnh tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm trước cử tri; tích cực tham gia các hoạt động tiếp xúc cử tri, thảo luận, chất vấn, giám sát và quyết nghị các nội dung quan trọng của địa phương.

3. Những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp

3.1. Thuận lợi

Việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp giúp giảm bớt tầng nấc trung gian, thu gọn đầu mối, qua đó tăng tính thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, bảo đảm sự xuyên suốt từ tỉnh đến cấp xã.

Cấp xã được phân cấp, ủy quyền mạnh hơn, tạo điều kiện để tăng tính chủ động, linh hoạt trong giải quyết công việc, nhất là những nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp,...

3.2. Khó khăn

Khối lượng, nội dung thẩm tra của các Ban của HĐND tỉnh có phần tăng do phải tập trung xử lý các nghị quyết chịu sự tác động của việc sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Địa bàn rộng nên phần nào cũng khó khăn trong chức hoạt động giám sát chuyên đề, theo dõi, đánh giá kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri và giám sát việc ban hành văn bản của HĐND cấp xã.

Việc tiếp cận và nắm tình hình thực tế, nắm địa bàn của 2 địa phương trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh của đại biểu HĐND tỉnh chuyên trách và bộ phận tham mưu còn chưa đầy đủ, dẫn đến trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan còn có phần lúng túng.

Công tác tổ chức tiếp xúc cử tri bước đầu còn gặp một số khó khăn, nhất là trong việc bố trí thời gian, địa điểm phù hợp và bảo đảm thành phần cử tri tham dự theo quy định.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

1. Hoạt động của Hội đồng nhân dân

1.1. Tổ chức các kỳ họp của Hội đồng nhân dân

a) Công tác chuẩn bị nội dung kỳ họp

Thường trực và các Ban của HĐND tỉnh đã chủ động phối hợp với UBND, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan để rà soát, thống nhất nội dung trình tại các kỳ họp của HĐND tỉnh. Quá trình chuẩn bị được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm chất lượng, cơ bản đúng tiến độ, trình tự, thủ tục theo quy định, kịp thời giải quyết những nội dung công việc phát sinh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo và thực tiễn phát triển của địa phương.

b) Công tác thẩm tra

Thường trực HĐND tỉnh đã chỉ đạo và phân công cụ thể các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra nội dung trình tại kỳ họp của HĐND tỉnh. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các Ban chủ động tiếp cận sớm các dự thảo nghị quyết, phối hợp chặt chẽ với cơ quan soạn thảo để đảm bảo trình tự, thủ tục, nội dung đạt chất lượng.

Công tác thẩm tra được tổ chức đúng tiến độ, bám sát quy định pháp luật. Báo cáo thẩm tra đã nêu rõ những nội dung phù hợp, đảm bảo quy định. Đồng thời, phân tích cụ thể các vấn đề còn có ý kiến khác nhau, chỉ rõ nguyên nhân và yêu cầu cơ quan trình giải trình, làm rõ. Trong quá trình thực hiện, các Ban cũng chủ động báo cáo kết quả thẩm tra với Thường trực HĐND tỉnh để kịp thời xem xét, cho ý kiến và định hướng một số nội dung.

Qua thẩm tra, các Ban đã cung cấp đầy đủ, kịp thời và khách quan những thông tin cần thiết để đại biểu HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, thảo luận và quyết định các nội dung đúng quy định, phù hợp với thực tiễn địa phương.

c) Công tác phục vụ tài liệu, nghiên cứu tài liệu của đại biểu

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã chủ động theo dõi, đôn đốc việc chuẩn bị tài liệu phục vụ kỳ họp. Đồng thời, sắp xếp khoa học, thuận tiện

cho việc nghiên cứu, tra cứu, sử dụng và thực hiện tốt mô hình “*phòng họp không giấy*”. Tài liệu được gửi đến các đại biểu HĐND tỉnh đầy đủ (*vừa đăng tải trên Trang thông tin của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh vừa gửi qua email của đại biểu*), cơ bản kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi để đại biểu nghiên cứu, làm cơ sở tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và biểu quyết, bảo đảm chất lượng, hiệu quả từng nội dung của kỳ họp.

d) Công tác chủ trì, điều hành kỳ họp

Chủ tọa kỳ họp tiếp tục đổi mới phương pháp điều hành theo hướng trọng tâm, trọng điểm, ngắn gọn, dành thời gian hợp lý cho đại biểu thảo luận. Nội dung điều hành bám sát tình hình thực tế của địa phương, kịp thời gọi mở, định hướng các nội dung cần tập trung thảo luận, vấn đề đang được cử tri và xã hội quan tâm, theo đúng Quy chế làm việc của HĐND tỉnh quy định.

Các đại biểu HĐND tỉnh đã phát huy tinh thần trách nhiệm, tập trung nghiên cứu và tham gia thảo luận các nội dung trình tại kỳ họp, đặc biệt là những vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa các Ban của HĐND tỉnh và cơ quan soạn thảo nên quá trình xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương được thực hiện dân chủ, thận trọng, phát huy trí tuệ tập thể. Các nghị quyết được thông qua đều đạt sự đồng thuận cao, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với thực tiễn.

đ) Số lượng kỳ họp

Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 30/6/2025, HĐND tỉnh tổ chức thành công 60 kỳ họp, gồm: 16 kỳ họp thường lệ và 44 kỳ họp chuyên đề, trong đó: tỉnh Quảng Ngãi (cũ) tổ chức 36 kỳ họp (*gồm 08 kỳ họp thường lệ và 29 kỳ họp chuyên đề*) và tỉnh Kon Tum tổ chức 24 kỳ họp (*gồm 08 kỳ họp thường lệ và 16 kỳ họp chuyên đề*).

Sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/11/2025, HĐND tỉnh tổ chức thành công 06 kỳ họp, gồm 01 kỳ họp thường lệ và 05 kỳ họp chuyên đề.

1.2. Việc ban hành các nghị quyết

a) Việc gửi các tài liệu của các cơ quan đến HĐND

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, việc gửi tài liệu phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước đi vào nề nếp, song vẫn còn tồn tại những hạn chế cần tiếp tục khắc phục trong thời gian đến, cụ thể:

Một số cơ quan, đơn vị đã quan tâm hơn đến tiến độ gửi hồ sơ, tài liệu phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh, nhất là chủ động chuẩn bị, gửi tài liệu đúng thời hạn theo kế hoạch chuẩn bị các kỳ họp của HĐND tỉnh. Một số báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết được chuẩn bị công phu hơn, có số liệu, căn cứ pháp lý rõ ràng; trình bày đúng thể thức, tạo thuận lợi cho công tác thẩm tra của các Ban của HĐND tỉnh.

Bên cạnh đó vẫn có một số tồn tại, hạn chế như vẫn còn tình trạng gửi tài liệu chậm so với yêu cầu, có tài liệu gửi sát thời gian thẩm tra hoặc trước kỳ họp, gây khó khăn cho việc nghiên cứu của đại biểu, thẩm tra của các Ban của HĐND tỉnh. Một số tờ trình của cơ quan soạn thảo trình HĐND tỉnh đề nghị ban hành nghị quyết chưa bảo đảm yêu cầu về nội dung theo quy định; thông tin chưa rõ ràng, đầy đủ; chưa xác định, dự kiến cụ thể nguồn lực và điều kiện bảo đảm thi hành nghị quyết. Một số báo cáo, đề án chưa được rà soát kỹ lưỡng, chưa làm rõ vấn đề trọng tâm, chưa đánh giá đầy đủ sự tác động, nhất là các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh,...

b) Đánh giá về hoạt động thẩm tra các dự thảo nghị quyết

Các Ban của HĐND tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch thẩm tra ngay sau khi được phân công; kịp thời tổ chức họp Ban thẩm tra theo đúng quy định; mời đại diện cơ quan soạn thảo tham dự đầy đủ nhằm làm rõ những nội dung còn vướng mắc hoặc còn nhiều ý kiến khác nhau. Nhiều báo cáo thẩm tra được chuẩn bị kỹ lưỡng, bố cục rõ ràng, nêu rõ quan điểm của Ban; đánh giá đúng thực tiễn, phù hợp với quy định của pháp luật và chỉ ra được những nội dung chưa đảm bảo của từng dự thảo nghị quyết.

Nhiều dự thảo nghị quyết gửi chậm, sát thời điểm thẩm tra, ảnh hưởng đến chất lượng nghiên cứu và công tác chuẩn bị nội dung thẩm tra của các Ban; chưa thực hiện khảo sát thực tế, làm việc với các sở, ban, ngành, địa phương và đối tượng liên quan để thu thập thêm thông tin, làm cơ sở cho việc thẩm tra các nội dung trình kỳ họp.

c) Số lượng mỗi loại nghị quyết ban hành ở mỗi kỳ họp

Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 30/6/2025, HĐND tỉnh xem xét, thảo luận và thông qua 973 nghị quyết về các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, công tác cán bộ, sắp xếp tổ chức bộ máy, đảm bảo quốc phòng, an ninh theo thẩm quyền, gồm 696 nghị quyết cá biệt và 277 nghị quyết quy phạm pháp luật, trong đó: tỉnh Quảng Ngãi (cũ) 538 nghị quyết (*gồm: 364 nghị quyết cá biệt và 174 nghị quyết quy phạm pháp luật*) và tỉnh Kon Tum 435 nghị quyết (*gồm 332 nghị quyết cá biệt và 103 nghị quyết quy phạm pháp luật*).

Sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/11/2025, HĐND tỉnh xem xét, thảo luận và thông qua 62 nghị quyết về các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, công tác tổ chức cán bộ, đảm bảo an ninh, quốc phòng theo thẩm quyền (*gồm 45 nghị quyết cá biệt, 17 nghị quyết quy phạm pháp luật*).

d) Đánh giá về chất lượng ban hành nghị quyết và hiệu quả thực hiện nghị quyết

Việc xây dựng và ban hành nghị quyết tuân thủ đầy đủ quy trình theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Công tác thẩm tra được chú trọng, góp phần hoàn thiện nội dung dự thảo nghị quyết trước khi trình

ra kỳ họp HĐND. Căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn, giải trình nội dung được các cơ quan soạn thảo chuẩn bị tương đối đầy đủ; nhiều dự thảo nghị quyết được chỉnh lý, hoàn thiện qua nhiều lần góp ý, đảm bảo tính đồng bộ, khả thi và phù hợp trong triển khai thực hiện.

Các nghị quyết sau khi được thông qua đều được công bố, đăng tải theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị theo dõi, thực hiện. UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐND tỉnh; nhiều nghị quyết về phát triển kinh tế, an sinh xã hội, quản lý đất đai, đầu tư công đã phát huy tác dụng rõ rệt, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và bảo đảm an sinh cho người dân.

Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tỉnh đã tổ chức nhiều đoàn giám sát, khảo sát chuyên đề đối với việc triển khai thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh; kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế và đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật.

1.3. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân

1.3.1. Hoạt động giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Việc xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND

Tại các kỳ họp thường lệ, HĐND tỉnh đã xem xét, thảo luận báo cáo công tác của Thường trực HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự tỉnh và các báo cáo chuyên đề khác. Các nội dung đều được các Ban của HĐND thẩm tra theo đúng quy định (*trừ báo cáo công tác của Thường trực HĐND tỉnh*). Thông qua việc xem xét, thảo luận các báo cáo, đối với các nội dung quan trọng, HĐND tỉnh thống nhất bổ sung vào nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

b) Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn

Thường trực HĐND tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh. Theo đó, đã đề nghị đại biểu HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh đặt vấn đề, nội dung cần chất vấn đối với UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương, về những vấn đề bức xúc, nổi cộm được đại biểu, cử tri quan tâm liên quan đến công tác quản lý, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tư pháp.

Các nội dung này được Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp, phân loại và từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 30/6/2025, HĐND tỉnh tổ chức 12 phiên chất vấn và trả

lời chất vấn, trong đó: tỉnh Quảng Ngãi (cũ) tổ chức 05 phiên chất vấn và trả lời chất vấn¹⁴ và tỉnh Kon Tum tổ chức 07 phiên chất vấn và trả lời chất vấn¹⁵.

Công tác chuẩn bị hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn được thực hiện chu đáo, phiên chất vấn và trả lời chất vấn diễn ra với tinh thần nghiêm túc, thẳng thắn, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Qua chất vấn, Thường trực HĐND tỉnh ban hành thông báo kết luận, kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xem xét, giải quyết và báo cáo kết quả thực

¹⁴ (1) Tại kỳ họp thứ 6 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2021) thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn đối với các nội dung liên quan đến chính sách nhà ở xã hội; tình trạng ngập nước tại thành phố Quảng Ngãi (cũ) và quản lý hồ, ao, đầm, phá; việc điều chỉnh, hủy bỏ và công bố đối với các trường hợp sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất; “dự án treo”, chậm giải quyết hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản không đúng mục đích, không hiệu quả; tình trạng phá rừng phòng hộ; ứng dụng công nghệ thông tin và chất lượng khám chữa bệnh; trường học rớt chuẩn, thừa, thiếu giáo viên, giáo viên miền núi xin chuyển công tác; tình trạng thanh thiếu niên tụ tập, tệ nạn và tội phạm ma túy gia tăng; (2) Tại kỳ họp thứ 8 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2022) thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn đối với các nội dung liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn và dân tộc, miền núi; (3) Tại Kỳ họp thứ 12 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2022) thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn đối với các nội dung liên quan đến việc quản lý, phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đầu tư các dự án du lịch trên địa bàn tỉnh; thực hiện chính sách, pháp luật về đào tạo nghề; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, vệ sinh, an toàn lao động; tình trạng xe quá khổ, quá tải; công tác bảo đảm an toàn giao thông và phòng cháy, chữa cháy; (4) Tại Kỳ họp thứ 20 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2023) thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn đối với các nội dung liên quan đến các dự án đầu tư chậm tiến độ; công tác quản lý tài nguyên khoáng sản; (5) Tại Kỳ họp thứ 29 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2024) thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn đối với các nội dung liên quan đến công tác quản lý đầu tư, quản lý nghĩa trang, xây dựng lò hỏa táng; dân tộc, miền núi; vệ sinh an toàn thực phẩm.

¹⁵ (1) Tại Kỳ họp thứ 2 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2021) thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn các nội dung liên quan đến lĩnh vực ngân sách, nông nghiệp và nông thôn, giao thông, chuyển đổi số, du lịch, giá cả và chất lượng hàng hóa, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tội phạm và an toàn giao thông, giáo dục và đào tạo, công tác quy hoạch trồng dược liệu và bảo vệ thương hiệu Sâm Ngọc Linh Kon Tum; (2) Tại Kỳ họp thứ 3 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2022) thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn các nội dung liên quan đến lĩnh vực quy hoạch, đất đai, giao thông, giáo dục và đào tạo, y tế, phòng chống tội phạm; việc mua sắm thiết bị phục vụ cho việc xét nghiệm hàm lượng Saponin trong Sâm Ngọc Linh; lắp đặt trạm cân xe tại các điểm mở khai thác khoáng sản; (3) Tại Kỳ họp thứ 4 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2022) thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn về phát triển kinh tế tập thể; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh; bảo vệ và phát triển rừng; ô nhiễm môi trường; xây dựng trạm thu mua nông sản; đất đai; bảo hiểm y tế; tình trạng công chức, viên chức ngành y tế, giáo dục bỏ việc; dân tộc, miền núi; điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh; (4) Tại Kỳ họp thứ 5 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2023) thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn các nội dung liên quan đến lĩnh vực quy hoạch, đất đai, khoáng sản, bảo hiểm y tế, đào tạo nghề nông thôn, điện; việc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ thương hiệu Sâm Ngọc Linh Kon Tum; giải pháp xử lý thu hồi tiền đã chi truy lĩnh của các đối tượng hưởng trợ giúp xã hội; chuyển giao vật chứng để thi hành án dân sự; kinh doanh dịch vụ lưu trú Homestay; kinh phí thực hiện đề án đào tạo cán bộ chỉ huy quân sự cấp xã; (5) Tại Kỳ họp thứ 6 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2023) thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn về công tác quy hoạch, bồi thường giải phóng mặt bằng; giải ngân vốn đầu tư công; thực hiện dự án, bố trí sắp xếp ổn định dân cư tại các điểm định cư đã hoàn thành; xây dựng nông thôn mới; nợ đọng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp ở một số doanh nghiệp; chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; điều chỉnh giá nước và áp giá nước; giáo dục và đào tạo, y tế; (6) Tại Kỳ họp thứ 7 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2024) thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn về công tác hỗ trợ đánh giá, công nhận lại quá trình khai thác, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm OCOP; trợ cấp gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng; chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; tiến độ thực hiện thu ngân sách Nhà nước; chỉ tiêu thành lập mới doanh nghiệp; bảo vệ môi trường; triển khai các hoạt động "Cải thiện dinh dưỡng" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; (7) Tại Kỳ họp thứ 8 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2024) thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn về việc các xã không duy trì đạt chuẩn nông thôn mới; quản lý trạm cân thu mua nông sản; chậm thi công Dự án Hồ chứa nước Đăk Pokei; công tác sửa chữa, khắc phục tuyến đường giao thông; xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật các ngành nghề đào tạo; triển khai các dự án năng lượng tái tạo; việc tiếp cận công nghệ thông tin ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; việc cải tạo via hè các tuyến đường giao thôn; chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

hiện các nội dung liên quan đến vấn đề chất vấn, gửi về Thường trực HĐND tỉnh theo quy định.

Sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, từ ngày 01/7/2025 đến nay, qua xem xét các nội dung phục vụ hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2025, Thường trực HĐND tỉnh thống nhất sẽ tổ chức hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp thường lệ trong năm 2026.

c) Việc xem xét các báo cáo giám sát chuyên đề

Tại các kỳ họp thường lệ, HĐND tỉnh đã xem xét, thảo luận và thống nhất với các báo cáo kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND tỉnh. Kết quả giám sát đã chỉ rõ những hạn chế, khó khăn, bất cập; kiến nghị các giải pháp đúng quy định và sát thực tiễn, giúp các cơ quan, đơn vị, đối tượng giám sát nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết một số vấn đề bức xúc của địa phương.

1.3.2. Hoạt động giám sát giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Hoạt động giám sát, khảo sát chuyên đề của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh

Hoạt động giám sát, khảo sát chuyên đề được Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh thực hiện bảo đảm theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình giám sát hằng năm của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh và báo cáo kết quả gửi HĐND tỉnh theo quy định.

Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 30/6/2025, HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành 85 cuộc giám sát và 19 cuộc khảo sát chuyên đề, trong đó: tỉnh Quảng Ngãi (cũ) 33 cuộc giám sát và 06 cuộc khảo sát; tỉnh Kon Tum 52 cuộc giám sát và 13 cuộc khảo sát.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, từ ngày 1/7/2025 đến nay, HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành 03 cuộc giám sát và 02 cuộc khảo sát chuyên đề, gồm: (1) Giám sát việc chấp hành pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh trong giải quyết các vụ án hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2024; (2) Giám sát về tình hình chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (3) Giám sát về tình hình triển khai thực hiện Dự án 9 (Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (4) Khảo sát về tình hình tổ chức và hoạt động của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh; (5) Khảo sát tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2025.

Qua giám sát, khảo sát, đã chỉ ra một số khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; kiến nghị nhiều ý kiến, vấn đề thiết thực đối với các nội dung liên quan thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành Trung ương, chức năng quản lý nhà nước của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và địa phương liên quan. Theo đó, tính đến ngày 30/11/2025, đa số các nội dung kiến nghị sau giám sát, khảo sát đều được UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện hoàn thành, không tiếp tục theo dõi. Tuy nhiên, vẫn còn 130 kiến nghị chưa báo cáo kết quả thực hiện, nguyên nhân là do một số kiến nghị cần lộ trình, nguồn lực và thời gian để giải quyết.

b) Hoạt động phối hợp triển khai các chuyên đề giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

HĐND, Thường trực HĐND tỉnh xây dựng báo cáo kết quả thực hiện một số nội dung theo giám sát chuyên đề của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể: (1) Kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành; (2) Kết quả thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và các Nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023; (3) Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội từ năm 2015 đến hết năm 2023;... Ngoài ra, tham gia cùng các Đoàn giám sát của Đoàn ĐBQH tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nội dung giám sát chuyên đề của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại địa phương.

c) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân

Thường trực HĐND tỉnh tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động giám sát đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn tỉnh. Công tác giám sát được triển khai theo hướng bám sát quy định của pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo.

Qua giám sát chuyên đề và giám sát thường xuyên cho thấy, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương đã quan tâm, kịp thời giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân do Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh chuyển đến để trả lời cho công dân theo quy định.

d) Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

Theo định kỳ, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành và địa phương giải quyết, trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri (*được tổng hợp tại các kỳ họp thường lệ và báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri tại các kỳ họp trước*). Đồng thời, báo cáo kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị để cung cấp thông tin cho đại biểu HĐND tỉnh phục vụ tiếp xúc cử tri trước các kỳ họp thường lệ trong năm.

Tính đến thời điểm hiện nay, đa số các nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri đã được các UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương liên quan quan tâm chỉ đạo, giải quyết. Tuy nhiên, vẫn còn 29 ý kiến, kiến nghị đã được giải quyết, trả lời nhưng chưa thỏa đáng, chưa dứt điểm; 75 ý kiến, kiến nghị tiếp tục giải quyết, trả lời và 75 ý kiến, kiến nghị chưa được tổng hợp, thông tin kết quả giải quyết.

Đổi mới trong giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri, ngoài căn cứ theo kết quả đánh giá của Tổ đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND các địa phương, Thường trực HĐND tỉnh phân công các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra Báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri. Các Ban của HĐND tỉnh đã rà soát, đánh giá kết quả giải quyết và tổ chức thực hiện thẩm tra theo quy định; đối với những nội dung chưa đầy đủ thông tin, thực hiện khảo sát thực tế và làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan để có cơ sở đánh giá kết quả thực hiện.

đ) Hoạt động chất vấn, giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND

Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 30/6/2025, Thường trực HĐND tỉnh đã triển khai xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các nội dung để tổ chức 05 hoạt động giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, trong đó: tỉnh Quảng Ngãi (cũ) tổ chức 02/03 hoạt động giải trình tại 02 phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh¹⁶ và tỉnh Kon Tum tổ chức 02/02 hoạt động giải trình tại 02 phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh¹⁷.

Nội dung đề xuất giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh là những vấn đề quan trọng, có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và đời sống của người dân, được đại biểu HĐND và cử tri trong tỉnh quan tâm. Tại phiên

¹⁶ (1) Hoạt động giải trình tại phiên họp ngày 26/4/2023, nội dung đề nghị giải trình liên quan đến việc thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa, kết hợp chỉnh trang đồng ruộng; thực hiện công tác bảo vệ môi trường; thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; (2) Hoạt động giải trình tại phiên họp ngày 23/8/2024, nội dung đề nghị giải trình liên quan đến nông nghiệp và phát triển nông thôn; an ninh trật tự; tài nguyên môi trường; công tác giảm nghèo; (3) Đối với hoạt động giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh (trong tháng 6/2025), nội dung đề nghị giải trình liên quan đến dự án chậm tiến độ, các công trình trọng điểm phải hoàn thành, xử lý khó khăn, vướng mắc, tồn đọng kéo dài; giải ngân vốn đầu tư công, thu hồi nợ tạm ứng và thực hiện một số chính sách hỗ trợ; số hóa dữ liệu và giải quyết thủ tục hành chính về đất đai. Tuy nhiên, do tập trung cho công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã để hoạt động từ ngày 01/7/2025, nên phiên giải trình của Thường trực HĐND tỉnh chưa được thực hiện và sẽ lồng ghép nội dung để tổ chức hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn, hoạt động giải trình trong thời gian đến.

¹⁷ (1) Hoạt động giải trình tại phiên họp ngày 17/8/2022, giải trình 07 nội dung: việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ cho công tác phòng, chống dịch Covid - 19 trên địa bàn tỉnh; thực trạng về tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất và kết quả tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục của hệ giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong thời gian qua; công tác quản lý đất công tại làng Plei Rơhai, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum; việc thu hồi các trụ điện cũ của người dân ở thôn Ngọc Tiền, xã Đăk Xú, huyện Ngọc Hồi và xã Đăk H'Ring của huyện Đăk Hà; việc xây dựng Thủy điện Đăk Bla 3 tại xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum; việc hỗ trợ cho các hộ dân có diện tích lúa bị vùi lấp khi thi công Quốc lộ 24 và các hộ dân bị nứt nhà do thi công đường Hồ chí Minh; việc bảo đảm nước tưới cho cây trồng ở một số thôn ở một số xã của huyện Ngọc Hồi và huyện Đăk Hà; (2) Hoạt động giải trình tại phiên họp ngày 20/6/2024, giải trình 07 nội dung: việc bồi thường nứt nhà của người dân do thi công đường Hồ Chí Minh (đoạn qua tỉnh Kon Tum); việc thực hiện các điểm quy hoạch khoáng sản; về bảo đảm nước sinh hoạt cho người dân thành phố Kon Tum; về quản lý các trung tâm ngoại ngữ tư thục; công tác quản lý Nhà nước về thị trường và vệ sinh an toàn thực phẩm; về phát triển loại hình du lịch kết hợp lòng hồ, mặt nước; về bảo vệ thương hiệu Sâm Ngọc Linh Kon Tum.

giải trình, lãnh đạo UBND tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan đã trả lời, giải trình, làm rõ cơ bản đầy đủ những vấn đề được đại biểu đặt ra và cùng trao đổi, thảo luận để đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục những tồn tại hạn chế, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước thuộc phạm vi phụ trách. Kết thúc phiên giải trình, Thường trực HĐND tỉnh kịp thời ban hành kết luận để các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung đã cam kết, làm cơ sở để Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh theo dõi, giám sát.

e) Xem xét quyết định của UBND cùng cấp và nghị quyết của HĐND cấp dưới trực tiếp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp

Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh thường xuyên theo dõi, giám sát quyết định của UBND tỉnh và tăng cường giám sát nghị quyết của HĐND cấp huyện (cũ), cấp xã; theo dõi việc tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh.

Thường trực HĐND tỉnh đã đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, rà soát lại việc quyết định áp dụng đối với các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh khi HĐND tỉnh chưa ban hành nghị quyết quyết định áp dụng đối với các nghị quyết quy phạm pháp luật liên quan. Trong đó, kiến nghị rà soát và điều chỉnh đối với 05 trường hợp cụ thể¹⁸; chỉ đạo rà soát, thực hiện đúng quy định của pháp luật và nghị quyết của HĐND tỉnh đối với các nội dung liên quan đến danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, chuyển mục đích sử dụng rừng¹⁹.

Qua theo dõi việc ban hành nghị quyết của HĐND cấp xã liên quan đến công tác cán bộ, Thường trực HĐND tỉnh đã đề nghị Thường trực HĐND cấp xã quyết định số lượng thành viên các Ban của HĐND, phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó trưởng ban, Ủy viên của Ban của HĐND theo thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và không trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định.

1.4. Hoạt động tiếp xúc cử tri; tiếp công dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân

1.4.1. Hoạt động tiếp xúc cử tri

¹⁸ (1) Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức thù lao hằng tháng đối với thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (2) Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định việc bố trí và mức hỗ trợ công tác viên bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (3) Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cho Bác sĩ được chọn, cử đi bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn và quản lý bệnh viện trong nước và ở nước ngoài; (4) Quyết định số 76/2017/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban; (5) Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định mức chi thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

¹⁹ Công văn số 81/HĐND-KTNS ngày 30/5/2025 của Thường trực HĐND tỉnh về việc các nội dung liên quan đến danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, chuyển mục đích sử dụng rừng.

Thường trực HĐND tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch, phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp tổ chức triển khai thực hiện tiếp xúc cử tri theo quy định; có văn bản đề nghị và theo dõi UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, địa phương giải quyết, trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri, kịp thời cung cấp thông tin cho đại biểu HĐND tỉnh trực tiếp trả lời cho cử tri tại buổi tiếp xúc cử tri trước các kỳ họp thường lệ trong năm. Ngoài ra, Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh chuẩn bị các tài liệu khác²⁰ để phục vụ tiếp xúc cử tri theo quy định.

Thực hiện đổi mới trong công tác tiếp xúc cử tri, Thường trực HĐND tỉnh có văn bản định hướng, hướng dẫn thực hiện tiếp xúc cử tri theo chuyên đề; đề nghị Tổ đại biểu HĐND tỉnh đăng ký dự kiến chương trình tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, làm cơ sở xây dựng kế hoạch tổng thể tiếp xúc cử tri chuyên đề của đại biểu HĐND tỉnh. Kết quả có 07 lượt Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện tiếp xúc cử tri chuyên đề đối với 07 nội dung²¹. Hình thức tiếp xúc cử tri chuyên đề cũng là kênh thông tin để đại biểu HĐND tỉnh thực hiện tốt chức năng giám sát và quyết định các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nhìn chung, đại biểu HĐND tỉnh cơ bản tham gia đầy đủ các buổi tiếp xúc cử tri tại các địa phương trên địa bàn tỉnh, nghiên cứu nội dung, tài liệu tiếp xúc cử tri, nhất là tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, thực hiện trách nhiệm của người đại biểu trước cử tri; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Thường trực HĐND cấp huyện (cũ), cấp xã tổng hợp, phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri, nhất là các kiến nghị có tính chất bức xúc sẽ được trả lời ngay tại kỳ họp thường lệ gần nhất.

1.4.2. Hoạt động tiếp công dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân

a) Tổ chức tiếp công dân định kỳ

Thường trực HĐND tỉnh xây dựng và công khai rộng rãi lịch tiếp công dân ngay từ đầu năm, phân công cụ thể từng thành viên trong Thường trực HĐND tỉnh tiếp công dân định kỳ vào ngày 22 hằng tháng. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, tổ chức 03 lượt tiếp công dân định kỳ²²; các tháng còn lại, một phần do diễn biến của

²⁰ Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội trong 4 tháng, 9 tháng đầu năm; Báo cáo một số hoạt động của Thường trực, các Ban của HĐND tỉnh 4 tháng, 9 tháng đầu năm; Dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp thường lệ trong năm của HĐND tỉnh.

²¹ (1) Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại huyện Bình Sơn (cũ) tiếp xúc cử tri với nội dung về phát triển nông nghiệp tại xã Bình Minh, nông thôn mới tại xã Bình An, nông - lâm - ngư nghiệp tại xã Bình Hải; (2) Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại thành phố Quảng Ngãi (cũ) tiếp xúc cử tri đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật về phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi; (3) Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại huyện Ba Tơ (cũ) tiếp xúc cử tri đối với các nội dung liên quan đến công tác khám chữa bệnh, chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân; (4) Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại huyện Mộ Đức (cũ) tiếp xúc cử tri đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; (5) Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại huyện Bình Sơn (cũ) tiếp xúc cử tri đối với các nội dung liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai; (6) Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại huyện Lý Sơn (cũ) tiếp xúc cử tri đối với các nội dung liên quan đến ngư dân trên địa bàn huyện Lý Sơn; (7) Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại thị xã Đức Phổ (cũ) tiếp xúc cử tri đối với nội dung liên quan đến chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

²² (1) Tháng 4/2022, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức tiếp công dân định kỳ đối với ông Lê Tấn Duy (xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức); (2) Tháng 11/2023, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức 01 lượt tiếp công dân định kỳ, nội

tình hình dịch Covid - 19 trên địa bàn và không có công dân đăng ký hoặc có đăng ký nhưng các vụ việc đã được các cơ quan có thẩm quyền xem xét, trả lời hoặc giải quyết nên Thường trực HĐND tỉnh không tổ chức tiếp công dân định kỳ và có văn bản hướng dẫn công dân thực hiện theo các quy định hiện hành.

b) Tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân

Công tác tiếp nhận, xử lý và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân được Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh thực hiện thường xuyên, nghiêm túc theo đúng quy định pháp luật.

Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 30/6/2025, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh tiếp nhận 1.019 đơn²³ (trong đó: tỉnh Quảng Ngãi (cũ) tiếp nhận 885 đơn²⁴ và tỉnh Kon Tum 134 đơn²⁵), kết quả xử lý đã ban hành 294 công văn, thông báo trả lời cho công dân, 01 thông báo không thụ lý giải quyết đơn tố cáo, chuyển 180 đơn, hướng dẫn 57 đơn, lưu 487 đơn.

Sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, từ ngày 01/7/2025 đến nay, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh đã tiếp nhận 101 đơn²⁶; kết quả đã xử lý chuyển 29 đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hướng dẫn 10 đơn, trả lời 06 đơn và lưu 56 đơn.

Qua công tác theo dõi, đôn đốc việc giải quyết cho thấy cơ bản các nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân được các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan quan tâm giải quyết, trả lời cho công dân. Định kỳ, Thường trực HĐND tỉnh xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác tiếp công dân của HĐND và đại biểu HĐND các cấp gửi cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân

2.1. Công tác chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban HĐND

Thường trực HĐND tỉnh thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền chức năng chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các Ban của HĐND tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh. Việc chỉ đạo, điều hòa được triển khai kịp thời, linh hoạt, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Ban trong việc thực hiện chức năng giám sát, thẩm tra và các nhiệm vụ khác được giao.

Hàng tuần, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức họp giao ban với lãnh đạo các Ban của HĐND tỉnh và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh nhằm theo dõi tiến độ triển khai các nhiệm vụ. Kịp thời cho ý kiến, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, đặc biệt là xem xét, cho ý kiến những nội dung do

dung liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ; (3) Tháng 5/2025, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức tiếp công dân định kỳ đối với bà Nguyễn Thị Tụ, khiếu nại Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 25/5/2006 của UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị Truyền.

²³ Trong đó: 143 đơn tố cáo, 378 đơn phản ánh, kiến nghị, 498 đơn khiếu nại.

²⁴ Trong đó: 109 đơn tố cáo, 143 đơn phản ánh, 149 đơn kiến nghị, 484 đơn khiếu nại.

²⁵ Trong đó: 34 đơn tố cáo, 86 đơn phản ánh, kiến nghị, 14 đơn khiếu nại.

²⁶ Trong đó: 06 đơn khiếu nại, 14 đơn tố cáo, 65 đơn kiến nghị, 16 đơn phản ánh.

UBND tỉnh trình, các vấn đề cần thẩm tra, giám sát hoặc những nội dung còn có ý kiến khác nhau. Qua đó, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành giữa Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh.

Đối với công tác chuẩn bị nội dung trình tại các kỳ họp HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh chủ động phân công, điều hòa nhiệm vụ thẩm tra giữa các Ban của HĐND tỉnh một cách hợp lý, tránh chồng chéo, bảo đảm phát huy hiệu quả chuyên môn của từng Ban, đồng thời tạo sự hài hòa, thống nhất trong hoạt động chung của HĐND tỉnh.

2.2. Việc tổ chức các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 30/6/2025, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức tổ chức 141 phiên họp để triển khai thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch và kịp thời xem xét, cho ý kiến theo thẩm quyền đối với 470 nội dung liên quan đến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Sau họp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, từ ngày 01/7/2025 đến nay, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức 10 phiên họp, kịp thời xem xét, cho ý kiến theo thẩm quyền đối với 45 nội dung (*trong đó: có 37 nội dung liên quan đến việc đăng ký xây dựng nghị quyết, 01 nội dung liên quan đến danh mục nghị quyết và 07 nội dung liên quan đến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội*).

2.3. Quan hệ công tác

Thường trực HĐND tỉnh giữ mối liên hệ phối hợp công tác với Đoàn ĐBQH tỉnh trong hoạt động giám sát chuyên đề, tham gia góp ý các dự thảo Luật; thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND theo luật định.

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Thi hành án dân sự tỉnh trong việc chuẩn bị nội dung trình các kỳ họp của HĐND tỉnh; phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc đề xuất nội dung giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực và các Ban của HĐND tỉnh, nhất là giám sát chuyên đề.

Phối hợp với UBND tỉnh trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp của HĐND tỉnh, nhằm kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho UBND tỉnh trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội; theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành tham mưu xây dựng tờ trình, dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh, đảm bảo trình tự, thủ tục và có chất lượng; kịp thời trả lời, giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri; trả lời chất vấn, giải trình của đại biểu HĐND tỉnh; giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

2.4. Công tác thông tin tuyên truyền hoạt động của HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND

Công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động của HĐND tỉnh tiếp tục được quan tâm và triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao tính minh bạch, công

khai các hoạt động của cơ quan dân cử, đồng thời tạo điều kiện để cử tri và Nhân dân theo dõi, giám sát các hoạt động của HĐND tỉnh.

Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí của tỉnh và Trung ương đóng trên địa bàn trong việc đưa tin, phản ánh đầy đủ, kịp thời các hoạt động của HĐND, nhất là kỳ họp HĐND, hoạt động giám sát chuyên đề, khảo sát, tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND. Nội dung thông tin đảm bảo tính chính xác, khách quan, bám sát định hướng tuyên truyền của cấp có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

Trang thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh được duy trì thường xuyên, cập nhật đầy đủ tin, bài, văn bản, nghị quyết của HĐND, giúp người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan dễ dàng tra cứu thông tin. Chất lượng tin, bài từng bước được nâng lên; nhiều bài viết phản ánh về hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh, góp phần lan tỏa hình ảnh cơ quan dân cử đến với cử tri và Nhân dân.

3. Hoạt động của các Ban của HĐND

Các Ban của HĐND tỉnh đã chủ động, tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh. Hoạt động của các Ban ngày càng đi vào chiều sâu, bảo đảm tính kịp thời, khách quan, góp phần nâng cao chất lượng quyết định của HĐND và hiệu lực giám sát của cơ quan dân cử.

Thực hiện thẩm tra đầy đủ các báo cáo, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp HĐND tỉnh, tập trung vào những nội dung quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, đầu tư công, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Báo cáo thẩm tra bảo đảm tính phản biện, nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, hạn chế, đề xuất các giải pháp cụ thể để Thường trực HĐND tỉnh và HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị. Chất lượng các báo cáo thẩm tra tiếp tục được nâng lên, thể hiện sự chuẩn bị kỹ lưỡng, khoa học, bám sát cơ sở pháp lý và thực tiễn địa phương.

Tổ chức nhiều cuộc giám sát, khảo sát chuyên đề theo lĩnh vực được phân công phụ trách; tập trung vào những vấn đề bức xúc, được cử tri và dư luận quan tâm. Kết quả giám sát đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị một số nội dung để triển khai thực hiện trong thời gian đến. Nhiều kiến nghị sau giám sát được UBND tỉnh và các sở, ban, ngành tiếp thu, triển khai thực hiện, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

Các lãnh đạo Ban tích cực tham gia các phiên họp Thường trực HĐND tỉnh, kỳ họp HĐND tỉnh, tham dự các cuộc tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và giải quyết đơn thư theo phân công.

4. Hoạt động của Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND

Trước các kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh, căn cứ hướng dẫn của Thường trực HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh đã họp thành viên của Tổ

đại biểu. Các đại biểu HĐND tập trung nghiên cứu, thảo luận về các báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp; phản ánh với Tổ trưởng kết quả tiếp xúc cử tri, tổng hợp các ý kiến kiến nghị của cử tri để gửi đến Thường trực HĐND tỉnh để yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Trên cơ sở ý kiến thảo luận tại các cuộc họp Tổ đại biểu, ý kiến đăng ký phát biểu thảo luận, đề nghị giải trình hoặc chất vấn của các Tổ đại biểu, Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp và đề nghị các sở, ngành giải trình tại kỳ họp HĐND.

Đối với hoạt động tiếp xúc cử tri, Tổ trưởng các Tổ đại biểu HĐND tỉnh đã chủ động phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam và Thường trực HĐND các địa phương để thống nhất nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần mời tham gia hội nghị tiếp xúc cử tri và tổ chức cho các đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc với cử tri theo quy định, nhất là tiếp xúc cử tri chuyên đề. Công tác tổ chức tiếp xúc cử tri được thực hiện đảm bảo theo kế hoạch của Thường trực HĐND tỉnh. Sau mỗi đợt tiếp xúc cử tri, các Tổ đại biểu tổng hợp đầy đủ ý kiến, kiến nghị của cử tri và báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri gửi đến Thường trực HĐND tỉnh theo quy định.

Đối với hoạt động giám sát, một số Tổ đại biểu HĐND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện giám sát chuyên đề đối với một số nội dung liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

5. Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của HĐND

Các điều kiện bảo đảm phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh tiếp tục được quan tâm, tạo cơ sở quan trọng để HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã thực hiện tốt vai trò tham mưu, phục vụ các hoạt động của HĐND tỉnh. Công tác chuẩn bị tài liệu kỳ họp, cuộc họp của Thường trực HĐND tỉnh, hoạt động giám sát, khảo sát, tiếp công dân và các nhiệm vụ thường xuyên được triển khai kịp thời, đúng quy trình, đảm bảo chất lượng.

Trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cuộc họp, biểu quyết điện tử được bảo đảm vận hành thông suốt. Trang thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thường xuyên được cập nhật, góp phần công khai, minh bạch thông tin hoạt động của HĐND tỉnh đến cử tri và người dân.

Chế độ, chính sách hỗ trợ hoạt động của HĐND tỉnh được thực hiện đầy đủ theo quy định; chế độ thông tin, tài liệu được cung cấp kịp thời; điều kiện phục vụ tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, tham gia đoàn giám sát và các hoạt động khác cơ bản đáp ứng theo yêu cầu.

IV. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND CẤP XÃ

1. Về tình hình tổ chức của HĐND cấp xã

Trước khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, tỉnh Quảng Ngãi (cũ) có 170 đơn vị hành chính cấp xã và tỉnh Kon Tum có 102 đơn vị hành chính cấp xã, với 6.097 đại biểu HĐND cấp xã²⁷.

Thực hiện Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Quảng Ngãi (mới) có 96 đơn vị hành chính cấp xã, với tổng số 5.968 đại biểu HĐND cấp xã.

2. Kết quả hoạt động của HĐND cấp xã

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, từ ngày 01/7/2025 đến nay, tổ chức hoạt động của HĐND cấp xã được sắp xếp, kiện toàn, đảm bảo cơ cấu, tổ chức bộ máy triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, bảo đảm chất lượng và hiệu quả; góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh đã triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch công tác; bám sát chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và Đảng ủy HĐND tỉnh; bảo đảm đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Đặc biệt, đã sớm ổn định tổ chức bộ máy sau sắp xếp đơn vị hành chính, triển khai kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, góp phần vào việc vận hành liên tục, thông suốt, ổn định của hệ thống chính trị.

Thường trực HĐND tỉnh chủ động quán triệt, thực hiện các nghị quyết, kết luận, hướng dẫn của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính. Trên cơ sở phương án nhân sự được phê duyệt, Thường trực HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong việc kiện toàn tổ chức, hoạt động của HĐND và UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 sau sắp xếp; công tác chỉ định các chức danh thực hiện đúng quy trình, kịp thời, bảo đảm vận hành ngay sau khi nghị quyết có hiệu lực.

Các kỳ họp HĐND tỉnh được tổ chức linh hoạt, kịp thời để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, nhất là sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính. Công tác chuẩn bị được thực hiện chu đáo, chất lượng công tác thẩm tra ngày càng nâng cao. Kỳ họp diễn ra nghiêm túc, nghị quyết được ban hành nhanh chóng, sớm đưa vào thực tiễn.

Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo, điều hòa hoạt động các Ban, phát huy năng lực, vai trò từng Ban; việc xem xét, quyết định các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp được thực hiện kịp thời, đúng thẩm quyền, bảo đảm dân chủ, khách quan. Công tác phối hợp với Đoàn ĐBQH, UBND, Ban Thường trực Ủy ban

²⁷ Trong đó: tỉnh Quảng Ngãi (cũ) 3.946 đại biểu và tỉnh Kon Tum 2.151 đại biểu.

MTTQ Việt Nam tỉnh và các cơ quan liên quan ngày càng chặt chẽ, nhất là trong công tác chuẩn bị nội dung kỳ họp, xây dựng chương trình giám sát và tổ chức tiếp xúc cử tri.

Hoạt động giám sát được triển khai theo chương trình công tác, xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện hợp lý, tránh trùng lặp, không ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị chịu sự giám sát; công tác giám sát thường xuyên được tăng cường, nhất là giám sát quyết định của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND cấp xã. Việc theo dõi, đánh giá kiến nghị sau giám sát, khảo sát được thực hiện kịp thời, khách quan; báo cáo phân tích rõ kết quả đã hoàn thành, đang triển khai và chưa thực hiện, đồng thời kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục giải quyết dứt điểm các nội dung.

Công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kiến nghị sau chất vấn và trả lời ý kiến cử tri được chú trọng. Hoạt động tiếp xúc cử tri tiếp tục đổi mới theo hướng thiết thực, hiệu quả, nhất là tăng cường tiếp xúc cử tri tại các thôn, tổ dân phố trên địa bàn, đây cũng là kênh thông tin hữu ích, phục vụ tốt cho chức năng quyết định của HĐND tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

Sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp và thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh gắn với phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho địa phương, nhiều vấn đề mới phát sinh chưa được cập nhật, hướng dẫn kịp thời để triển khai thực hiện trong thực tiễn; công tác tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền mới, cùng với những khó khăn trong việc sắp xếp trụ sở, trang thiết bị làm việc, đã tạo ra những trở ngại ban đầu, ảnh hưởng đến quá trình vận hành, hoạt động của HĐND cấp tỉnh và cấp xã.

Khối lượng công việc của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh tăng đáng kể, nhất là sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Một số Tổ đại biểu HĐND tỉnh phụ trách địa bàn rộng nên việc nắm bắt thông tin ở cơ sở, tổ chức tiếp xúc cử tri còn gặp khó khăn.

Một số nội dung UBND tỉnh gửi hồ sơ, tài liệu phục vụ thẩm tra và kỳ họp HĐND tỉnh chưa bảo đảm thời gian quy định, thậm chí gửi sát thời điểm khai mạc kỳ họp, gây áp lực lớn cho các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND trong việc xem xét, nghiên cứu, thẩm tra,...

Công tác giám sát thường xuyên tuy có tăng cường nhưng chưa thực sự đầy đủ do số lượng nghị quyết, nhất là đối với cấp xã tương đối nhiều. Việc thực hiện kiến nghị sau giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh nhìn chung được triển khai nghiêm túc. Tuy nhiên, một số kiến nghị chưa có chuyển biến rõ nét, chưa báo cáo kết quả dù đã đánh giá qua nhiều lần; một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thể hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc giải quyết các kiến nghị sau giám sát, khảo sát.

Báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị cử tri chưa nêu rõ cách thức, thời gian xử lý; nhiều nội dung chưa được giải quyết triệt để, hoặc cần nguồn lực lớn nên chưa xác định được thời hạn hoàn thành.

3. Nguyên nhân

Việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp là nhiệm vụ lớn, phức tạp, ảnh hưởng đến bộ máy, nhân sự và khối lượng công việc của các cơ quan nhà nước nói chung và HĐND tỉnh nói riêng. Địa bàn tỉnh sau sắp xếp tăng quy mô, dân số và khối lượng hồ sơ công việc; một số nội dung quy định hướng dẫn từ Trung ương chưa kịp thời.

Một số sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh chưa chủ động trong việc chuẩn bị hồ sơ và các nội dung liên quan, dẫn đến chậm tiến độ gửi tài liệu cho các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra, đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu, thảo luận.

Một số kiến nghị sau giám sát liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, trong khi cơ chế phối hợp và theo dõi, đánh giá việc thực hiện kiến nghị sau giám sát chưa thực sự quyết liệt.

Việc rà soát, phân loại và giải quyết kiến nghị cử tri ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đảm bảo; trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương còn chưa đồng bộ, dẫn đến tiến độ giải quyết chậm hoặc báo cáo kết quả chưa đầy đủ.

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND TRONG NHIỆM KỲ 2026 - 2031

1. Giải pháp

1.1. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tổ chức các kỳ họp HĐND

- Xây dựng chương trình kỳ họp HĐND theo hướng tinh gọn, thiết thực, tăng thời gian thảo luận, chất vấn và trả lời chất vấn.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chuẩn bị tài liệu, điều hành, ghi biên bản và theo dõi việc ban hành, tổ chức thực hiện nghị quyết.
- Nâng cao trách nhiệm của đại biểu HĐND trong nghiên cứu tài liệu trước kỳ họp, tham gia phát biểu thảo luận tại hội trường.

1.2. Nâng cao chất lượng hoạt động giám sát

- Xây dựng chương trình giám sát hằng năm trên cơ sở lựa chọn các vấn đề nổi cộm, bức xúc, được cử tri và nhân dân quan tâm.
- Đổi mới việc lựa chọn nội dung giám sát chuyên đề, tăng cường giám sát vấn đề cụ thể, giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND bằng phương thức thích hợp để tăng tính kịp thời, hiệu quả đối với hoạt động giám sát chuyên đề. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kiến nghị sau giám sát của

các cơ quan, đơn vị, địa phương để đảm bảo các kiến nghị được thực hiện nghiêm túc, kịp thời.

1.3. Nâng cao năng lực, trách nhiệm và kỹ năng của đại biểu HĐND

- Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng giám sát, thẩm tra, phân tích chính sách, kỹ năng phát biểu, tranh luận cho đại biểu ngay từ đầu nhiệm kỳ.

- Phát huy vai trò đại biểu chuyên trách; nâng cao trách nhiệm của đại biểu kiêm nhiệm trong tham gia các hoạt động của HĐND.

- Tăng cường đi thực tế cơ sở, theo dõi giám sát hoạt động của các cơ quan chức năng trong việc thực hiện các quy định của pháp luật, nghị quyết của HĐND, xem xét, giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri, thực hiện tốt quyền chất vấn của đại biểu HĐND.

1.4. Nâng cao chất lượng hoạt động của Thường trực, các Ban HĐND

- Rà soát, phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Quy chế làm việc của HĐND.

- Các Ban của HĐND chú trọng hơn nữa về chất lượng công tác thẩm tra, tăng tính phản biện để giúp cho đại biểu có cơ sở quan trọng trong việc xem xét, thảo luận và quyết định các nội dung của kỳ họp.

- Sau khi nghị quyết được ban hành, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện để kịp thời phát hiện và kiến nghị biện pháp xử lý đối với các bất cập, hạn chế (nếu có). Thường xuyên tự kiểm tra, rà soát nghị quyết HĐND đã ban hành để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp.

1.5. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông hoạt động của HĐND

- Tiếp tục công khai, thực hiện đăng tải các nghị quyết, kết luận giám sát, kết quả tiếp xúc cử tri và giải quyết kiến nghị cử tri trên Trang thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và Trang thông tin điện tử của địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông để thông tin kịp thời, chính xác hoạt động của HĐND, nhất là các nội dung liên quan đến kỳ họp, hoạt động giám sát, khảo sát,...

1.6. Tiếp tục triển khai thực hiện Quy chế phối hợp giữa Thường trực HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam.

1.7. Nghiên cứu có hình thức, phương thức tiếp nhận nhanh ý kiến, kiến nghị của cử tri và chuyển tải nhanh nội dung trả lời ý kiến kiến nghị của cơ quan, cấp có thẩm quyền đến với cử tri.

2. Kiến nghị về việc hướng dẫn danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với nội dung thẩm tra, thông qua nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội và Nghị quyết số 1206/2012/UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND, HĐND các tỉnh, thành phố đã ban hành Nghị quyết Quy định về chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động HĐND các cấp, trong đó có mức chi cho công tác thẩm tra và ban hành nghị quyết của HĐND.

Hiện nay, theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, thì việc xây dựng và ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND là một trong những nhiệm vụ, hoạt động được áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt (*quy định cụ thể tại điểm a khoản 1 Điều 4 và Mục III Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15*).

Tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 197/2025/QH15, Quốc hội giao Chính phủ quy định *danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với nội dung xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình văn bản quy phạm pháp luật và từng nhiệm vụ, hoạt động trước giai đoạn thẩm tra,... quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này*; đối với nhiệm vụ, hoạt động **từ giai đoạn thẩm tra và ban hành nghị quyết của HĐND** thì chưa quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền ban hành danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động.

Để áp dụng đồng bộ, thống nhất cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Thường trực HĐND tỉnh kính đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét hướng dẫn hoặc giao Chính phủ, HĐND tỉnh quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động từ giai đoạn thẩm tra đến khi ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND.

Trên đây là Báo cáo tình hình tổ chức và kết quả hoạt động của HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 (thời gian báo cáo từ đầu nhiệm kỳ 2021 - 2026 đến ngày 30/11/2025), Thường trực HĐND tỉnh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- TT HĐND các xã, phường, đặc khu;
- VP: C-PCVP, các Phòng;
- Lưu: VT. 

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Cao Phúc



PHỤ LỤC

Các nội dung giám sát, khảo sát chuyên đề của HĐND, Thường trực, các Ban của HĐND tỉnh

*(Kèm theo Báo cáo số 266/BC-HĐND ngày 15/12/2025
của Thường trực HĐND tỉnh)*

A. Các nội dung giám sát, khảo sát chuyên đề của HĐND, Thường trực, các Ban của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)

I. Giám sát chuyên đề

1. Giám sát công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh.
2. Giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi.
3. Giám sát về tình hình hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Quảng Ngãi.
4. Giám sát việc thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú từ năm 2016 đến năm 2020 trên địa bàn 5 huyện miền núi của tỉnh.
5. Giám sát "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành".
6. Giám sát về tình hình, kết quả sử dụng đất của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2021.
7. Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với việc đào tạo, cấp giấy phép lái xe trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 - 2021.
8. Giám sát việc quản lý và sử dụng kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ giai đoạn 2017 - 2021.
9. Giám sát việc thực hiện quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017 - 2021.
10. Giám sát tình hình thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017 - 2021.
11. Giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 5 huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2016 - 2021.
12. Giám sát tình hình hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh.
13. Giám sát tình hình thực hiện công tác tái định cư trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2022.

14. Giám sát việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng các công trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2022.

15. Giám sát tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

16. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, giai đoạn 2014 - 2022.

17. Giám sát việc thực hiện pháp luật trong công tác tuyển dụng, bố trí, quản lý, sử dụng và chi trả chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh, giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/7/2023.

18. Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND ngày 10/10/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi nhân dịp Tết Nguyên đán, giai đoạn 2019 – 2025.

19. Giám sát việc lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các huyện, thị xã, thành phố.

20. Giám sát việc thực hiện công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2023.

21. Giám sát việc đầu tư, quản lý và hoạt động của hệ thống Truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2019 - 2023.

22. Giám sát tình hình tổ chức và hoạt động của các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2023.

23. Giám sát về việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2019 - 2023.

24. Giám sát tình hình tổ chức và hoạt động của hợp tác xã trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2023.

25. Giám sát việc thực hiện công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2023.

26. Giám sát việc thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2023.

27. Giám sát việc đầu tư, quản lý và hoạt động của hệ thống Truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2019 - 2023.

28. Giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2019 - 2023.

29. Giám sát tình hình tổ chức và hoạt động của các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2023.

30. Giám sát về việc triển khai thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi trên địa bàn các huyện miền núi từ năm 2018 đến năm 2023.

31. Giám sát việc thực hiện quy định về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2024.

32. Giám sát tình hình triển khai thực hiện Dự án 2 (Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, từ năm 2021 đến năm 2024.

33. Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2024.

II. Khảo sát chuyên đề

1. Khảo sát việc thực hiện các quy định về phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

2. Khảo sát tình hình phân bổ dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực an ninh theo Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 - Năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh.

3. Khảo sát việc thực hiện công tác quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và thị xã Đức Phổ.

4. Khảo sát tình hình hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi.

5. Khảo sát thực tế tình hình cấp các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão - năm 2023 tại các huyện: Sơn Tây, Sơn Hà và Trà Bồng.

6. Khảo sát tình hình thực hiện Luật Trẻ em và công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh.

B. Các nội dung giám sát, khảo sát chuyên đề của HĐND, Thường trực, các Ban của HĐND tỉnh Kon Tum

I. Giám sát chuyên đề

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh về Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 và Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND.

2. Giám sát việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các hộ là đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Giám sát công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

4. Giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội; thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2021.

5. Giám sát tình hình triển khai thực hiện Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn ngân sách địa phương uỷ thác sang ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

6. Giám sát tình hình triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch trồng rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2021 và năm 2022.

7. Giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu trồng được liệu năm 2022.

8. Giám sát tình hình triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế và công tác khám chữa bệnh đối với người dân tộc thiểu số thuộc nhóm đối tượng được ngân sách Nhà nước đóng và hỗ trợ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh.

9. Giám sát tình hình hoạt động của Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

10. Giám sát tình hình triển khai thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ đầu tư, phát triển và chế biến được liệu trên địa bàn tỉnh năm 2022.

11. Giám sát hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn tỉnh.

12. Giám sát tình hình chấp hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

13. Giám sát công tác xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh.

14. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh về Phương án cho thuê rừng để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp phát triển cây Sâm Ngọc Linh tại huyện Đắk Glei và Tu Mơ Rông; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh về Phương án giao rừng, cho thuê rừng để bảo vệ và phát triển rừng bền vững, kết hợp kinh doanh cảnh quan du lịch, sản xuất nông lâm nghiệp dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh.

15. Giám sát công tác đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành và hiệu quả sử dụng các công trình nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

16. Giám sát công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh.

17. Giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội; thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2022.

18. Giám sát việc công nhận gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá trên địa bàn tỉnh.

19. Giám sát việc triển khai xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn tỉnh.

20. Giám sát tình hình thực hiện chính sách cho Người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

21. Giám sát việc hỗ trợ tái định cư cho người dân (vùng đồng bào DTTS) có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, sạt lở giai đoạn 2016 - 2020 thuộc nhóm đối tượng 1 tại Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch tổng thể bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến 2025.

22. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 44/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 và Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh về quy định một số nội dung và mức chi thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

23. Giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

24. Giám sát việc triển khai công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh.

25. Giám sát việc thi hành Luật Đất đai về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

26. Giám sát tình hình triển khai thực hiện một số dự án, công trình đầu tư công được HĐND tỉnh phê duyệt trên địa bàn tỉnh.

27. Giám sát công tác quy hoạch, đầu tư và hiệu quả hoạt động của khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

28. Giám sát việc đề xuất chủ trương và tổ chức thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để triển khai Dự án Nhà máy thủy điện Ialy mở rộng.

29. Giám sát tình hình chấp hành pháp luật về Thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh.

30. Giám sát kết quả thực hiện các kết luận sau thanh tra tại một số huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan.

31. Giám sát công tác quy hoạch, triển khai thực hiện và quản lý các công trình thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

32. Giám sát công tác quản lý và bảo trì đường bộ các tuyến đường do địa phương quản lý.

33. Giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội; thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2023.

34. Giám sát việc triển khai Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh về phê duyệt mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ,

hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

35. Giám sát công tác bảo tồn, phát huy di sản không gian văn hóa công chiêng, lễ hội truyền thống, dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số tỉnh.

36. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 17/4/2020; 02/NQ-HĐND ngày 12/3/2021; 28/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 về đầu tư cơ sở hạ tầng tại các điểm định canh định cư tập trung theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

37. Giám sát việc thực hiện bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (Dự án 8) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (giai đoạn I: 2021 - 2025).

38. Giám sát tình hình thực hiện công tác quản lý nước về bảo vệ môi trường.

39. Giám sát công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân trên địa bàn tỉnh.

40. Giám sát về tình hình giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

41. Giám sát về tình hình thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức và hợp đồng lao động ngành giáo dục và đào tạo năm 2022, năm 2023.

42. Giám sát về tình hình chấp hành pháp luật trong hoạt động điều tra trên địa bàn tỉnh.

43. Giám sát về đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

44. Giám sát về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội; thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2024.

45. Giám sát về việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; việc tổ chức thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để triển khai các dự án theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

46. Giám sát về kết quả thực hiện chính sách, pháp luật thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

47. Giám sát về kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm.

48. Giám sát về tình hình thực hiện phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

49. Giám sát về việc triển khai, thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

50. Giám sát về thực hiện Tiêu dự án 1, Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

51. Giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

52. Giám sát tình hình thực hiện Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

II. Khảo sát chuyên đề

1. Khảo sát kết quả thực hiện tái định cư tập trung tại hai điểm theo Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 và Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của HĐND tỉnh.

2. Khảo sát việc quản lý và vận hành sử dụng các bể bơi trong trường học được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

3. Khảo sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh giai đoạn 2017 - 2020.

4. Khảo sát tình hình giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau Kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh Khóa XII.

5. Khảo sát tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

6. Khảo sát các tuyến đường dự kiến đặt tên, điều chỉnh trên địa bàn thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi.

7. Khảo sát về việc triển khai thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật và truyền thông về trợ giúp pháp lý cho hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số theo Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 và hỗ trợ việc tham gia tổ tụng có tính chất phức tạp, hoặc điển hình.

8. Khảo sát việc triển khai thực hiện dự án quy hoạch, bố trí dân cư tại xã Đăk Hring (nay là xã Đăk Long), huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

9. Khảo sát việc lập và triển khai thực hiện công tác quy hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

10. Khảo sát tình hình giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em tại Hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa Hội đồng trẻ em tỉnh Kon Tum và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2021, 2022.

11. Khảo sát việc triển khai Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu

quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

12. Khảo sát thực tế một số nội dung liên quan đến dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp chuyên đề, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII.

13. Khảo sát việc thực hiện Nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND tỉnh về công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

[illegible]

THỐNG KÊ CƠ CẤU BAN CỦA HĐND CẤP TỈNH NHIỆM KỲ 2021-2026

(Tính từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026 đến ngày 30/11/2025)

Mẫu số 02

[illegible]

[illegible]

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

THỐNG KÊ KỲ HỌP HĐND TỈNH/THÀNH PHỐ NHIỆM KỲ 2021-2026
(Tính từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026 đến ngày 30/11/2025)

Mẫu số 03

STT	Số kỳ họp thường lệ	Số kỳ họp chuyên đề	Tổng số Nghị quyết được ban hành	Số Nghị quyết QPPL	Số Nghị quyết không phải là Nghị quyết QPPL
1	17	49	1.035	294	741

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

THỐNG KÊ CÁC ĐOÀN GIÁM SÁT CỦA HĐND TỈNH NHIỆM KỲ 2021-2026
(*Tính từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026 đến ngày 30/11/2025*)

Mẫu số 04

STT	Cơ quan	Số đoàn giám sát	Tổng số kiến nghị của đoàn giám sát	Tổng số kiến nghị còn tồn đọng	Tỷ lệ giải quyết đến nay (%)
1	HĐND	10	110	6	94,55
2	TT HĐND	13	127	17	86,61
3	Ban VH-XH	16	98	8	91,84
4	Ban KT-NS	17	247	60	75,71
5	Ban Pháp chế	14	168	22	86,9
6	Ban Dân tộc (nếu có)	15	164	17	89,63
7	Ban Đô thị (nếu có)				
8	Tổ đại biểu HĐND	36	198	29	85,35
9	Đại biểu HĐND				
	Tổng số	121	1.112	159	85,7

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

THỐNG KÊ VỀ HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI VÀ TIẾP CÔNG DÂN CỦA HĐND TỈNH NHIỆM KỲ 2021-2026
(Tính từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026 đến ngày 30/11/2025)

Mẫu số 05

Hoạt động tiếp xúc cử tri								Hoạt động tiếp công dân			
TXCT chuyên đề		TXCT định kỳ		Hình thức TXCT khác		Tổng số kiến nghị	Tỷ lệ (%) giải quyết	Tỷ lệ đại biểu HĐND tiếp công dân (%)	Số lượt người/đoàn khiếu nại, tố cáo	Tổng số khiếu nại, tố cáo	Tỷ lệ (%) giải quyết
Số cuộc	Tỷ lệ ĐB TXCT (%)	Số cuộc	Tỷ lệ ĐB TXCT (%)	Số cuộc	Tỷ lệ ĐB TXCT (%)						
7	100	24 (đợt)	92,13	0	0,00	1.822	90,18	100,00	3	3	100,00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

THỐNG KÊ PHIÊN HỌP CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH NHIỆM KỲ 2021-2026
(Tính từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026 đến ngày 30/11/2025)

Mẫu số 06

Số phiên họp định kỳ	Số phiên họp đột xuất	Số phiên họp có hoạt động chất vấn	Số phiên họp có hoạt động giải trình	Hoạt động giải trình, chất vấn tại phiên họp		
				Số cơ quan giải trình	Số người trả lời chất vấn	Tỷ lệ giải quyết (%)
112	39	0	4	33	0	100